

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 5 năm 2018
(V/v tranh chấp HN và GD)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TS

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Giáp

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhung, cán bộ hưu phườg Đ, thị xã TS, tỉnh Bắc Ninh;

2. Ông Đỗ Đức Hùng, cán bộ hưu phườg Đ, thị xã TS, tỉnh Bắc Ninh;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà, cán bộ Toà án thị xã TS, tỉnh Bắc Ninh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TS, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Huy Tôn, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã TS, tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2018, v/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1992,

Trú tại: Thôn X, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội, có mặt;

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1991,

Trú tại: Thôn D, xã P, thị xã TS, tỉnh Bắc Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn ghi ngày 03/11/2017 và các lời khai tiếp sau tại Tòa án, chị Nguyễn Thị B trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn V vào ngày 10/10/2015. Trước khi kết hôn hai bên có được tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã TS. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình **anh V**. Vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Trong những lần cãi nhau, anh thường chửi bới, xúc phạm chị; là vợ chồng nhưng anh không quan tâm đến chị. Nguyên nhân là do trước ngày cưới không tìm hiểu kỹ, nên khi chung sống, vợ chồng đã bộc lộ rõ sự mâu thuẫn về quan điểm, tính cách; đôi bên không hiểu nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2017 cho đến nay, không

còn quan hệ gì với nhau nữa. Chị xác định tình cảm không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn **anh V**.

Con chung, tài sản chung, công nợ và công sức không có, chị không có yêu cầu gì.

Anh Nguyễn Văn V đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập đến Tòa án làm việc của Tòa án, nhưng anh đều không có mặt theo giấy triệu tập. Ngày 19/4/2018, Tòa án nhân dân thị xã TS đã trực tiếp đến gia đình **anh V**, giải thích cho **anh V** biết quyền và nghĩa vụ của mình.

Sau khi nghe giải thích, anh đã đề nghị Tòa án lấy lời khai của anh tại gia đình anh. Tại biên bản ghi lời khai ngày 19/4/2018, anh Nguyễn Văn V trình bày như sau:

Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp của Tòa án và tài liệu chứng cứ do chị **B** nộp, anh không có ý kiến gì. Anh xác nhận phần kết hôn, mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như chị **B** khai và anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị **B** xin ly hôn anh, anh đồng ý. Tài sản, công nợ không có, anh không có yêu cầu gì. Chị **B** không có công sức gì đối với gia đình anh. Anh sẽ không đến Tòa án làm việc các lần tiếp theo, Tòa án đưa vụ án ra xét xử, anh đề nghị xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân thị xã TS, tỉnh Bắc Ninh phát biểu ý về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của Người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã xác định: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; chị **B** đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, **anh V** không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị B. Cho chị Nguyễn Thị **B** được ly hôn anh Nguyễn Văn V; con chung không có, tài sản, công sức không yêu cầu, nên không giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH

Chị Nguyễn Thị B kết với anh Nguyễn Văn V vào ngày 10 tháng 10 năm 2015, có tuân theo các nguyên tắc của Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống cùng gia đình **anh V**. Khoảng 03 tháng đầu, vợ chồng hòa thuận, sau đó phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi, chửi nhau. Nguyên nhân là do trước ngày cưới hai bên không tìm hiểu nhau kỹ, nên khi chung sống đã luôn bất đồng quan điểm và đối lập về tính cách. Khi mâu thuẫn đến đỉnh điểm, vợ chồng đã sống ly thân

từ tháng 6 năm 2017. Từ đó đến nay, đôi bên không còn quan hệ gì với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn **anh V**. Anh Nguyễn Văn V cũng xác định vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể chung sống đoàn tụ, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của **chị B**. Anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Xét thấy mâu thuẫn giữa **chị B** và **anh V** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của **chị B** với **anh V**.

Về con chung: Không có;

Về tài sản, công nợ và công sức: Các đương sự đều xác định không có và không yêu cầu giải quyết. Do vậy, không cần đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị B là nguyên đơn trong vụ án phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị B; chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (xác nhận chị **B** đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số: AA/2013/03223 ngày 11/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TS, tỉnh Bắc Ninh).

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã, tỉnh;
- UBND phường Đ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa